

**UBND TỈNH BẾN TRE  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~1826~~ /SGD&ĐT-GDMN  
V/v Góp ý Dự thảo Kế hoạch phổ cập  
GDMN cho trẻ em 5 tuổi tỉnh Bến Tre  
giai đoạn 2010-2015

Bến Tre, ngày 18 tháng 10 năm 2010

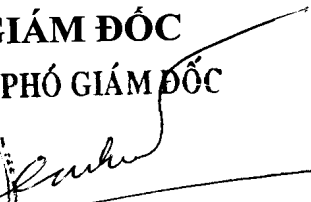
Kính gửi: Các Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố.

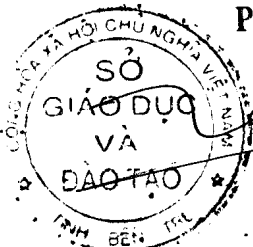
Thực hiện Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09 tháng 02 năm 2010 của Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2010-2015; Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi tỉnh Bến Tre giai đoạn 2010-2015.

Để đảm bảo tính khả thi và khoa học của Kế hoạch, đề nghị các Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố góp ý vào bản Dự thảo (kèm văn bản) và gửi về Phòng Giáo dục mầm non-Sở Giáo dục và Đào tạo chậm nhất là ngày 22 tháng 10 năm 2010 để Sở tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, P.GDMN.

**KỖ GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
  
**Lê Văn Chín**



(Dự thảo)

Bến Tre, ngày tháng 10 năm 2010

## **KẾ HOẠCH**

### **Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi tỉnh Bến Tre giai đoạn 2010-2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ...../2010 QĐ-UB ngày...../.... /2010  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)*

Giáo dục mầm non (GDMN) là cấp học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân đặt nền móng ban đầu cho sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tình cảm và thẩm mỹ của trẻ em. Giáo dục mầm non có nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục trẻ toàn diện từ 3 tháng tuổi đến 5 tuổi, trong đó phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu của cấp học mầm non nhằm chuẩn bị tốt cho trẻ vào lớp 1.

#### **I - Đánh giá thực trạng phát triển giáo dục mầm non:**

##### **1. Những kết quả đạt được:**

a/ Phát triển mạng lưới trường lớp và quy mô:

- Cơ bản hoàn thành việc tách mẫu giáo ra khỏi trường tiểu học. Tính đến cuối năm học 2009-2010, toàn tỉnh hiện có 167 trường (có 6 trường tư thục và 1 trường dân lập) với 1.181 nhóm lớp gồm 71 nhóm trẻ và 1.110 lớp mẫu giáo, trong đó có 669 lớp mẫu giáo 5 tuổi.

- Quy mô GDMN ổn định, số trẻ ra lớp tăng, đặc biệt là trẻ em 5 tuổi. Tính đến cuối năm học 2009-2010 huy động được 38.592 cháu ra lớp. Chia ra:

+ Nhà trẻ: 2.558 học sinh, tỷ lệ 6,46%

+ Mẫu giáo: 36.034 học sinh, tỷ lệ 70,92%

Riêng mẫu giáo 5 tuổi: 19.152, tỷ lệ 99,97%

Nhìn chung, mạng lưới trường lớp mầm non phát triển tương đối hợp lý, cơ bản đáp ứng được nhu cầu gửi trẻ của nhân dân địa phương, không còn xã trắng về GDMN.

b/ Chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ:

Các cơ sở GDMN đã đẩy mạnh việc triển khai đổi mới hình thức tổ chức chăm sóc, giáo dục trẻ và thực hiện tốt các chuyên đề. Nhờ vậy, chất lượng có những chuyển biến rõ nét. Hầu hết các cơ sở GDMN thực hiện đúng chương trình do Bộ GD&ĐT ban hành. Năm học 2009-2010, tỉnh triển khai thực hiện chương trình GDMN mới ở 28 trường (trong đó có 80 lớp mẫu giáo 5 tuổi).

- Toàn tỉnh hiện có 64 trường tổ chức bán trú với 10.698 cháu, chiếm tỷ lệ 27,72% trong tổng số trẻ đến trường lớp. Trong đó số trẻ 5 tuổi bán trú tại

trường mầm non là 3.009, tỷ lệ 15,71% so với trẻ 5 tuổi ra lớp. Số trẻ suy dinh dưỡng chung 4,04% (giảm 6,62% so đầu năm học).

Hầu hết các cháu mẫu giáo 5 tuổi ở trường mầm non đều được chuẩn bị các kỹ năng, trẻ tự tin, hứng thú, khám phá và nhanh chóng thích nghi với môi trường học tập ở tiểu học. Tỷ lệ chuyên cần trẻ 5 tuổi tăng dần qua các năm học (2009-2010 đạt 97,10%).

c/ Tình hình đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non:

Đến nay toàn cấp học có 260 cán bộ quản lý và 1.268 giáo viên. Công tác bồi dưỡng chuẩn hóa, nâng chuẩn, bồi dưỡng thường xuyên cũng được đặc biệt quan tâm. Hiện có 100% cán bộ quản lý đạt chuẩn (trên chuẩn 78,46%) và 99,05% giáo viên đạt chuẩn (38,48% trên chuẩn). Có 98,90% giáo viên mầm non đạt chuẩn nghề nghiệp theo qui định.

Riêng giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi có 705. Đạt chuẩn 97,59% (trong đó trên chuẩn 44,54%). Năm học 2009-2010 có 64,87% xếp loại xuất sắc, 32,06% loại khá trong đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên.

Các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm, khen thưởng và các quyền lợi khác cho giáo viên mầm non ngoài công lập ngày càng được quan tâm, từng bước có cải thiện.

d/ Tình hình cơ sở vật chất, trường lớp và kinh phí dành cho GDMN:

Thực hiện Đề án, Kế hoạch phát triển GDMN qua từng giai đoạn (2002-2005; 2006-2010) cơ sở vật chất trường, lớp học của GDMN được cải thiện đáng kể. Số phòng học kiên cố và bán kiên cố tăng, từng bước xóa các phòng tranh tre, nửa lá. Toàn tỉnh hiện có 1.029 phòng học (trong đó có 639 phòng kiên cố, chiếm 62,09%), phòng bán kiên cố 351 chiếm 34,11%). Hầu hết các lớp có đồ dùng dạy học, đồ chơi thực hiện yêu cầu đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp GDMN.

Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin cho GDMN được quan tâm đầu tư: 100% trường được trang bị máy vi tính (434 máy) và kết nối internet, năm học 2009-2010, trang bị thêm 20 bộ nhà Thám hiểm trẻ (Kidsmart) cho 2 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, nâng tổng số lên 24 bộ. Ngoài ra các cơ sở GDMN còn nhân rộng việc sử dụng các phần mềm ứng dụng khác như: Kidsmart, Happykids, Nutrikids, Babycare, Kidspic và các phần mềm thiết kế giáo án điện tử; trang bị 30 máy photocopy, 11 bộ laptop và máy chiếu cho các trường mầm non trọng điểm, trường chuẩn quốc gia.

Đến cuối năm học 2009-2010, toàn tỉnh có 17 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 10,17%.

Tỷ lệ kinh phí thường xuyên chi cho GDMN hàng năm từ 10% đến 10,12% trong tổng chi ngân sách nhà nước về giáo dục. Ngoài ra các cơ sở GDMN thực hiện tốt công tác xã hội hóa từ các nguồn viện trợ, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

**\* Nguyên nhân thành tựu:**

- Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền ngày càng sâu sát, hiệu quả. Các ban ngành, đoàn thể địa phương; các bậc cha mẹ có sự quan tâm hỗ trợ, chăm lo tốt hơn cho sự nghiệp GDMN.

- Những thành tựu về kinh tế-xã hội và việc đa dạng hóa nguồn đầu tư đã đáp ứng tốt hơn các điều kiện phát triển GDMN của tỉnh.

- Tinh chủ động xây dựng kế hoạch 5 năm, hàng năm về công tác phát triển số lượng, đầu tư xây dựng trường trọng điểm- trường đạt chuẩn quốc gia, tăng cường công tác thanh-kiểm tra, đầu tư chất lượng ,... đã tạo điều kiện thuận lợi cho GDMN phát triển.

- Sự nỗ lực trong các nhà trường và sự phấn đấu nêu cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non trong việc mở rộng qui mô và xây dựng các nhân tố bền vững để nâng cao chất lượng đã góp phần quan trọng trong việc thu hút trẻ đến trường.

**2. Một số hạn chế:**

- Số lớp 5 tuổi học ghép 2 độ tuổi (4-5 tuổi) cao, chiếm 47,12% trong tổng số lớp mẫu giáo 5 tuổi.

- Số lớp mẫu giáo 5 tuổi học 2 buổi trên ngày đạt tỷ lệ thấp (14,95%).

- Cơ sở vật chất tuy được quan tâm đầu tư nhưng còn hạn chế chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình và tổ chức cho trẻ học 2 buổi/ngày.

**\* Nguyên nhân hạn chế:**

- Địa bàn rộng không thuận tiện cho việc đi lại nên còn nhiều lớp 5 tuổi học ghép 2 độ tuổi.

- Tình hình thiếu giáo viên trong những năm qua ít nhiều ảnh hưởng chung đến việc tổ chức cho trẻ học 2 buổi/ ngày.

**II – Mục tiêu phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2010-2015:**

Thực hiện Quyết định 239/QĐ-TTg ngày 09 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ phê duyệt Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi giai đoạn 2010-2015; Chỉ thị số 33-CT/TU ngày 27 tháng 9 năm 2010 của Tỉnh ủy Bến Tre về việc thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi giai đoạn 2010-2015;

Trên cơ sở phát huy những kết quả đạt được và tình hình thực tế của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2010-2015 với những nội dung sau:

**1. Mục tiêu chung:**

Bảo đảm hầu hết trẻ em 5 tuổi trên địa bàn tỉnh được đến lớp để thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục 2 buổi/ngày, đủ một năm học theo Chương trình Giáo dục mầm non mới do Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ban hành nhằm chuẩn bị tốt về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ, tiếng Việt và tâm lý sẵn sàng đi học, bảo đảm chất lượng để trẻ em vào lớp 1.

**2. Mục tiêu cụ thể:**

- Củng cố, mở rộng mạng lưới trường, lớp bảo đảm đến năm 2015 có 95% số trẻ em trong độ tuổi 5 tuổi được học 2 buổi/ ngày;

- Nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục đối với các lớp mẫu giáo 5 tuổi, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, phấn đấu đến năm 2015 có 100% trẻ tại các cơ sở GDMN được học Chương trình GDMN mới, chuẩn bị tốt tâm thế cho trẻ vào học lớp 1;

- Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên mầm non, bảo đảm 100% giáo viên dạy lớp 5 tuổi đạt chuẩn trình độ đào tạo vào năm 2011, phấn đấu đến 2015 có 50% giáo viên đạt trình độ từ cao đẳng sư phạm mầm non trở lên, 90% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức độ khá, xuất sắc;

- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi cho các lớp mẫu giáo 5 tuổi ở vùng sâu, vùng khó khăn;

- Phấn đấu đến năm 2012 có 2/9 huyện đạt chuẩn Phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi, 4/9 huyện đạt vào năm 2013 và 9/9 huyện, thành phố đạt vào cuối năm học 2014-2015.

### **III. Điều kiện, tiêu chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi:**

#### **1. Điều kiện phổ cập:**

- Có đủ phòng học theo hướng kiên cố, đạt chuẩn;

- Trường, lớp có bộ thiết bị dạy học tối thiểu để thực hiện chương trình GDMN mới; ở vùng thuận lợi có thêm các bộ đồ chơi, phần mềm trò chơi ứng dụng CNTT, làm quen với vi tính để học tập;

- Đủ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo; giáo viên được hưởng thu nhập và các chế độ khác theo thang bảng lương giáo viên mầm non;

- Trẻ em trong các cơ sở GDMN được hưởng các chế độ, chính sách theo qui định hiện hành, được chăm sóc giáo dục theo Chương trình GDMN mới.

#### **2. Tiêu chuẩn phổ cập:**

- Đối với xã, phường, thị trấn:

+ Bảo đảm các điều kiện về giáo viên, cơ sở vật chất, tài liệu, thiết bị, đồ chơi trong các trường, lớp mầm non 5 tuổi;

+ Huy động 98% trở lên số trẻ em 5 tuổi ra lớp, trong đó có ít nhất 85% số trẻ trong độ tuổi được học 2 buổi/ngày trong một năm học (9 tháng) theo Chương trình GDMN mới do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

+ Tỷ lệ chuyên cần của trẻ: đạt từ 90% trở lên;

+ Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng dưới 10%.

- Đối với huyện, thành phố thuộc tỉnh: Bảo đảm 90% số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi.

- Đối với tỉnh: Đảm bảo 100% số huyện, thành phố thuộc tỉnh đạt tiêu chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi.

## **IV – Giải pháp, lộ trình và kinh phí thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2010-2015:**

### **1. Các giải pháp:**

1.1 Tuyên truyền, phổ biến nhiệm vụ phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi:

a/ Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các cấp, các ngành, gia đình và cộng đồng về chủ trương, mục đích, ý nghĩa của phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi trong nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển nguồn nhân lực;

b/ Thực hiện lồng ghép các hình thức và phương tiện truyền thông như: báo, đài của địa phương; các hội nghị, hội thảo để phổ biến các nội dung của Kế hoạch phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi. Tạo điều kiện cho các tổ chức, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các bậc cha mẹ và toàn xã hội tham gia phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi.

1.2 Tăng cường huy động trẻ em 5 tuổi đến lớp:

a/ Hàng năm, huy động hầu hết trẻ em năm tuổi đến lớp mẫu giáo để thực hiện chăm sóc, giáo dục 2 buổi/ngày. Duy trì và giữ vững số trẻ dưới 5 tuổi đến các cơ sở GDMN dưới nhiều hình thức. Đến năm 2015, quy mô trẻ mầm non 5 tuổi đến lớp của tỉnh là 17.276 trẻ. Bảo đảm 70% số trẻ 3-4 tuổi đến lớp mẫu giáo và 20% số trẻ dưới 3 tuổi đến nhà, nhóm trẻ;

b/ Đưa chỉ tiêu phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi vào chương trình kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương hàng năm để chỉ đạo thực hiện; đưa kết quả việc thực hiện phổ cập GDMN trẻ 5 tuổi vào tiêu chuẩn bình xét, đánh giá các tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền, đoàn thể, bình xét gia đình văn hóa và đơn vị văn hóa. Cấp ủy, chính quyền địa phương giao trách nhiệm cho các tổ chức, đoàn thể trên địa bàn phối hợp vận động gia đình đưa trẻ 5 tuổi đến trường, lớp học 2 buổi/ngày;

c/ Hỗ trợ trẻ 5 tuổi ở các cơ sở GDMN mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế; cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo qui định của nhà nước 120 nghìn đồng/tháng (một năm học 9 tháng) để duy trì bữa ăn trưa tại trường; trẻ em có hoàn cảnh khó khăn học tại các trường mầm non tư thục được nhà nước hỗ trợ 1 phần học phí, nhằm tăng tỷ lệ huy động trẻ đến trường;

d/ Phát huy các sáng kiến của nhân dân, cộng đồng, động viên các bậc phụ huynh đăng ký đưa trẻ đến trường, lớp để thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi;

đ/ Tổ chức các loại hình trường lớp phù hợp, tạo cơ hội cho trẻ em 5 tuổi được đến trường. Đa số trẻ em 5 tuổi được học tại các trường công lập có thu học phí. Phát triển GDMN ngoài công lập ở những nơi có điều kiện.

1.3 Đổi mới nội dung chương trình, phương pháp GDMN:

a/ Triển khai thực hiện đại trà Chương trình GDMN mới cho tất cả lớp mẫu giáo 5 tuổi nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ em 5 tuổi;

b/ Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong các cơ sở GDMN, phấn đấu đến năm 2015 có ít nhất 30% số trường mầm non được tiếp cận với tin học, ngoại ngữ;

c/ Triển khai và hướng dẫn sử dụng bộ Chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi.

1.4 Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý GDMN:

a/ Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non đủ về số lượng, nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu phổ cập và thực tiễn đổi mới GDMN.

- Đào tạo nâng chuẩn và đào tạo mới 461 giáo viên (đào tạo mới 361) bảo đảm đến năm 2015 có đủ giáo viên dạy các lớp mầm non 5 tuổi theo định mức quy định;

- Đổi mới nội dung và phương thức bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý, cập nhật kiến thức và kỹ năng cho giáo viên để thực hiện chương trình GDMN mới.

b/ Xây dựng chính sách hợp lý và bảo đảm nguồn lực thực hiện chính sách cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý.

- Nhà nước hỗ trợ ngân sách để thực hiện trả lương cho GVMN và cán bộ quản lý ở các cơ sở GDMN dân lập theo thang bảng lương và nâng lương theo định kỳ. Các cơ sở GDMN tư thực bảo đảm chế độ lương cho giáo viên không thấp hơn ở các cơ sở GDMN công lập và thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách cho giáo viên theo quy định hiện hành;

- Thực hiện cơ chế học phí mới theo khung học phí của Bộ GD&ĐT được cụ thể phù hợp với từng địa bàn trong tỉnh, tăng nguồn thu hợp pháp ở những nơi thuận lợi, cha mẹ có khả năng chi trả để thực hiện chế độ, chính sách cho giáo viên mầm non dạy trẻ dưới 5 tuổi.

1.5 Xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư thiết bị, bảo đảm ngân sách cho các lớp mầm non 5 tuổi:

a/ Xây dựng đủ phòng học cho các lớp 5 tuổi.

Xây dựng đủ phòng học cho các lớp mầm non 5 tuổi, bảo đảm các điểm trung tâm, điểm lẻ có phòng học được xây kiên cố theo hướng chuẩn hóa. Từ năm 2010 đến 2015 xây mới 261 phòng học (thay thế tạm mượn), nâng cấp 55 phòng học và 20.235 m<sup>2</sup> phòng chức năng theo tiêu chuẩn được qui định tại Điều lệ trường mầm non.

b/ Đảm bảo đủ thiết bị và đồ chơi để thực hiện Chương trình GDMN mới, nâng cao chất lượng GDMN cho trẻ em 5 tuổi.

- Trang bị 580 bộ thiết bị tối thiểu cho lớp mầm non 5 tuổi để thực hiện chương trình GDMN mới, cung cấp đủ số thiết bị cho các nhóm/lớp dưới 5 tuổi có đủ điều kiện thực hiện chương trình GDMN mới;

- Trang bị bổ sung đồ chơi ngoài trời để đến năm 2015 có khoảng 70% số trường có bộ đồ chơi ngoài trời; 200 bộ thiết bị phần mềm trò chơi làm quen với vi tính.

c/ Bảo đảm ngân sách chi thường xuyên cho hoạt động chăm sóc giáo dục mầm non 5 tuổi.

- Từng bước nâng định mức chi thường xuyên cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi hàng năm, từ 343.000 đồng/trẻ/năm từ năm 2010 lên 420.000 đồng/trẻ/năm vào năm 2015; bảo đảm khoảng 15% ngân sách giáo GDMN được chi cho các hoạt động chuyên môn;

- Đối với khu vực nông thôn, Nhà nước tổ chức các trường, lớp mầm non công lập tự chủ một phần kinh phí hoạt động và đảm bảo 75-80% kinh phí từ ngân sách để chi thường xuyên. Phần còn lại được huy động sự đóng góp của cha mẹ trẻ;

- Đối với khu vực thành phố, thị trấn vùng kinh tế phát triển, Nhà nước hỗ trợ ngân sách chi thường xuyên cho trường công lập tự chủ một phần từ 50-60%, phần còn lại được huy động sự đóng góp của cha mẹ trẻ.

1.6 Đẩy mạnh xã hội hóa công tác phổ cập GDMN trẻ 5 tuổi:

a/ Huy động nguồn lực hợp lý của nhân dân để thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi; cha mẹ có trách nhiệm phối hợp với nhà trường để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ;

b/ Khuyến khích, tạo điều kiện để các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức xã hội đầu tư phát triển trường, lớp mầm non ngoài công lập.

c/ tại vùng khó khăn huy động sự đóng góp công sức lao động của nhân dân cùng với ngân sách nhà nước để xây dựng trường lớp; kết hợp tổ chức ăn bán trú hoặc ăn học đường tại lớp cho hầu hết trẻ mầm non 5 tuổi;

d) Tranh thủ sự giúp đỡ của các nhà tài trợ, tổ chức.

## 2. Lộ trình thực hiện kế hoạch:

Việc thực hiện chương trình phổ cập GDMN trẻ 5 tuổi được chia làm 2 giai đoạn: 2010-2012; 2013-2015, cụ thể:

### a/ Giai đoạn 2010 - 2012:

- Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến Kế hoạch để chính quyền các cấp, các tổ chức xã hội, nhân dân ủng hộ nhằm huy động từ 90% đến 95% trẻ em 5 tuổi ở mọi địa bàn trong tỉnh ra lớp thực hiện phổ cập. Đảm bảo 70% trẻ em 5 tuổi ra lớp được học 2 buổi/ ngày;

- Thực hiện Chương trình GDMN mới cho 466/660 lớp mầm non 5 tuổi, tỷ lệ 70,60%.

- Bổ sung thêm 360 bộ thiết bị tối thiểu cho lớp mầm non 5 tuổi thực hiện chương trình GDMN mới và 100 bộ phần mềm trò chơi để cho trẻ làm quen với ứng dụng tin học ở trường, lớp có điều kiện;

- Xây mới 170 phòng học kiên cố cho lớp mầm non 5 tuổi, khuyến khích phát triển thêm các trường tư thục ở thành phố, thị trấn và các địa bàn thuận lợi;

- Đào tạo trên chuẩn cho 100 giáo viên có trình độ trung cấp lên cao đẳng và đào tạo mới 200 sinh viên có trình độ cao đẳng;



- Chỉ đạo điểm Thành phố Bến Tre, huyện Bình Đại (2 xã, phường/huyện-thành phố); các huyện còn lại 1 xã/huyện; kiểm tra công nhận các xã, phường điểm vào năm 2011;

- Kiểm tra công nhận thành phố Bến Tre và huyện Bình Đại đạt chuẩn phổ cập GDMN trẻ 5 tuổi vào năm 2012;

- Báo cáo tiến độ thực hiện về Ban chỉ đạo các cấp; tổng kết đánh giá tiến độ thực hiện giai đoạn 2010-2012.

**b/ Giai đoạn 2013 - 2015:**

- Tiếp tục huy động đạt trên 99% số trẻ em 5 tuổi thực hiện phổ cập;

- Nâng cao chất lượng các lớp thực hiện Chương trình GDMN mới đồng thời tăng số lớp thực hiện chương trình này; tiếp tục cung cấp 100 bộ phần mềm trò chơi tin học và 220 bộ thiết bị tối thiểu cho lớp mầm non 5 tuổi thực hiện chương trình GDMN mới;

- Tiếp tục xây mới 91 phòng học ở giai đoạn II;

- Đào tạo 161 giáo viên đạt trình độ cao đẳng bổ sung giáo viên dạy lớp mầm non 5 tuổi;

- Thực hiện các chính sách hợp lý cho giáo viên và cán bộ quản lý;

- Phân bổ ngân sách thường xuyên hàng năm, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi.

- Kiểm tra công nhận các huyện Giồng Trôm, Ba Tri đạt chuẩn năm 2013; huyện Châu Thành, Mỏ Cày Bắc, Mỏ Cày Nam, Chợ Lách và Thạnh Phú năm 2014.

- Tổng kết báo cáo kết quả phổ cập GDMN trẻ 5 tuổi về Bộ.

- Bộ GD&ĐT kiểm tra và ra quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập GDMN trẻ 5 tuổi tỉnh Bến Tre vào cuối năm học 2014-2015.

**3. Nguồn kinh phí thực hiện:**

Kinh phí thực hiện Kế hoạch phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi gồm có:

3.1 Kinh phí xây dựng phòng học, phòng chức năng dự kiến 216,795 tỷ đồng, bao gồm:

- Xây mới 167 phòng học (trong đó có nhà vệ sinh) cho lớp mẫu giáo 5 tuổi (đã trừ 94 phòng có trong kế hoạch kiên cố hóa giai đoạn 2008-2012).

$$167 \text{ phòng} \times 450.000.000\text{đ} = 75.150.000.000\text{đ}$$

- Xây dựng phòng chức năng, khoảng 20.235 m<sup>2</sup> (gồm văn phòng, phòng Ban giám hiệu, phòng âm nhạc, thể chất, y tế, bảo vệ, phòng nhân viên và nhà bếp).

$$20.235 \text{ m}^2 \times 7.000.000\text{đ} = 141.645.000.000\text{đ}$$

3.2 Kinh phí mua sắm trang thiết bị, đồ chơi, thiết bị cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học dự kiến 12,120 tỷ đồng:

- Chi mua sắm trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu cho các lớp mầm non 5 tuổi.

$$580 \text{ lớp} \times 14.000.000\text{đ/lớp} = 8.120.000.000\text{đ}$$

- Trang bị 200 bộ thiết bị cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học (cho 200 lớp mẫu giáo 5 tuổi, tỷ lệ 30,03%).

$$200 \text{ bộ} \times 20.000.000\text{đ/bộ} = 4.000.000.000\text{đ}$$

3.3 Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và hỗ trợ cho trẻ em 5 tuổi đến lớp, dự kiến 22,309 tỷ đồng:

- Đào tạo mới giáo viên trình độ cao đẳng (thời gian đào tạo 30 tháng).

$$361 \text{ sinh viên} \times 21.000.000\text{đ} = 7.581.000.000\text{đ}$$

- Đào tạo nâng chuẩn từ trung cấp lên cao đẳng cho giáo viên dạy lớp mầm non 5 tuổi (thời gian 20 tháng, vào 2 dịp hè và ngày nghỉ trong tuần của 2 năm học).

$$100 \text{ giáo viên} \times 14.000.000\text{đ} = 1.400.000.000\text{đ}$$

- Chi trợ cấp cho trẻ em 5 tuổi là mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa, hoặc trẻ bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế, cha mẹ thuộc diện nghèo theo qui định của nhà nước. Mức trợ cấp 120.000đồng/tháng (một năm học 9 tháng). Dự kiến từ năm 2010 đến 2015 có 12.341 trẻ.

$$(12341 \text{ học sinh} \times 120.000\text{đ/tháng}) \times 9 \text{ tháng} = 13.328.280.000\text{đ}$$

Tổng nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch Phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2010-2015 của tỉnh dự kiến là **251,224 tỷ đồng**.

#### **4. Tổ chức thực hiện:**

##### **4.1 Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Là cơ quan thường trực tổ chức thực hiện Kế hoạch;

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành triển khai thực hiện Kế hoạch Phổ cập GDMN trẻ 5 tuổi giai đoạn 2010-2015 trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo hướng dẫn các Phòng GD&ĐT xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể hóa những nội dung của kế hoạch để triển khai thực hiện;

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài Chính xây dựng phòng học đủ cho các lớp 5 tuổi thực hiện phổ cập;

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch định kỳ về Ban chỉ đạo cấp tỉnh và Bộ GD&ĐT.

##### **4.2 Sở Lao động, Thương binh và Xã hội**

- Phối hợp với Sở GD&ĐT, các ban, ngành địa phương tăng cường công tác truyền thông, vận động xã hội để thực hiện Phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi và phát triển GDMN, bảo vệ quyền trẻ em được học đầy đủ Chương trình GDMN trước khi vào học lớp 1;

- Chủ trì, phối hợp với Sở GD&ĐT chỉ đạo, giám sát việc thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chính sách xã hội khác đối với giáo viên và trẻ mầm non.

#### 4.3 Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với Sở GD&ĐT xây dựng và hoàn thiện các chương trình dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng lồng ghép trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non;

- Phối hợp với Sở GD&ĐT kiểm tra, giám sát công tác chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng trong các trường lớp mầm non 5 tuổi theo các mục tiêu phổ cập; phổ biến kiến thức, kỹ năng và cung cấp dịch vụ chăm sóc, giáo dục tại gia đình.

#### 4.4 Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với Sở GD&ĐT tổng hợp; thẩm định các dự án đầu tư cho phổ cập GDMN trẻ 5 tuổi vào Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục giai đoạn 2010-2015, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

- Chủ trì phân bổ vốn đầu tư cho các địa phương thực hiện Kế hoạch Phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi.

4.5 Sở Tài chính: Bố trí ngân sách để đảm bảo các mục tiêu, tiến độ thực hiện đúng kế hoạch.

#### 4.6 Sở Nội vụ

Phối hợp Sở GD&ĐT tham mưu, bổ sung các chế độ, chính sách đối với giáo viên, cán bộ quản lý GDMN; phân bổ biên chế hàng năm đáp ứng Kế hoạch Phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi.

#### 4.7 Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi giai đoạn 2010-2015, triển khai thực hiện trên địa bàn;

- Quy hoạch mạng lưới cơ sở GDMN, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, huy động trẻ đến trường;

- Dành quỹ đất, xây dựng đủ phòng học, bảo đảm thuận tiện cho việc thu hút trẻ em đi học trên địa bàn; đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, đồ chơi đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình GDMN mới; đảm bảo chính sách phát triển GDMN, bố trí đủ ngân sách chi cho phổ cập GDMN 5 tuổi và GDMN nói chung theo đúng qui định;

- Thực hiện các chế độ, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng và các chế độ chính sách khác đối với giáo viên mầm non trên địa bàn theo qui định;

- Huy động các nguồn lực, thực hiện đồng bộ về cơ sở vật chất, giáo viên,... để thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi có chất lượng;

- Tổ chức kiểm tra, công nhận đơn vị cơ sở thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi trên địa bàn, đề nghị UBND tỉnh kiểm tra, công nhận, báo cáo kết quả phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi về UBND tỉnh.

4.8 Mặt trận Tổ quốc, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Khuyến học,...và cơ quan thông tin đại chúng phối hợp chặt với ngành GD&ĐT tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt chủ trương của Đảng và Nhà nước về phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**CHỦ TỊCH**

***Nơi nhận:***

- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT và các Phó CT.UBND tỉnh;
- Chánh, Phó VP-NC;
- Các Sở: LĐTB&XH, Y tế, KH&ĐT,  
Tài chính, Nội vụ;
- Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Hội LHPN tỉnh;
- Hội Khuyến học;
- Lưu: VT, VHXH.

**BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU**  
**KẾ HOẠCH PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM 5 TUỔI GIAI ĐOẠN 2010- 2015**

**KẾ HOẠCH PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON TRẺ 5 TUỔI**

**Biểu 1**

STT	Đơn vị (Huyện, Thành phố)	Tổng số xã, phường	Dự kiến năm hoàn thành					Ghi chú
			2011	2012	2013	2014	2015	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Thành phố	16	12	4				
2	Châu Thành	23	3	7	8	5		
3	Giồng Trôm	22	2	10	10			
4	Ba Tri	24	1	9	13	1		
5	Bình Đại	20	1	17	2			
6	Mỏ Cây Nam	17	1	2	6	8		
7	Mỏ Cây Bắc	13	1	2	2	8		
8	Chợ Lách	13	1	1	1	10		
9	Thạnh Phú	18	3	6	4	5		
	<b>Tỉnh</b>	<b>166</b>				<b>x</b>		

Người lập biểu

Ngày tháng năm 2010  
 GIÁM ĐỐC

**BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU**  
**KẾ HOẠCH PHỔ CẬP GDMN CHO TRẺ EM 5 TUỔI GIAI ĐOẠN 2010- 2015**

**KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG TRẺ 5 TUỔI RA LỚP**

**Biểu 2**

Năm học	Đơn vị	Tình hình trẻ 5 tuổi				Số lớp mẫu giáo 5 tuổi				Số lớp mẫu giáo chung (cả 3 độ tuổi)			
		Số trẻ trong độ tuổi	Số trẻ thuộc diện chính sách	Số trẻ huy động	Tỷ lệ (%)	Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra		
							Bán trú	2 buổi/ngày	1 buổi/ngày		Bán trú	2 buổi/ngày	1 buổi/ngày
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2010-2011	1. Thành phố	1585	53	1585	100	51	28	0	23	134	90	0	44
	2. Châu Thành	1988	142	1988	100	69	17	5	47	110	40	5	65
	3. Giồng Trôm	2294	186	2294	100	81	10	0	71	134	28	0	106
	4. Ba Tri	3011	1083	2996	99.5	111	9	0	102	192	33	0	159
	5. Bình Đại	2042	184	2042	100	76	9	67	0	131	28	67	36
	6. Mô Cày Bắc	1491	197	1491	100	50	5	11	34	88	16	11	61
	7. Mô Cày Nam	2139	336	2139	100	78	7	45	26	126	20	46	60
	8. Chợ Lách	1510	180	1510	100	55	12	9	34	106	36	9	61
	9. Thạnh Phú	2250	260	2210	98	80	3	21	56	113	7	21	85
		<b>Tổng cộng (1)</b>	<b>18310</b>	<b>2621</b>	<b>18255</b>	<b>99.70</b>	<b>651</b>	<b>100</b>	<b>158</b>	<b>393</b>	<b>1134</b>	<b>298</b>	<b>159</b>
2011-2012	1. Thành phố	1828	53	1828	100	57	40	14	3	140	90	14	36
	2. Châu Thành	1888	143	1888	100	71	28	28	15	111	55	30	26
	3. Giồng Trôm	2162	172	2162	100	81	19	25	37	139	52	25	62
	4. Ba Tri	2906	1046	2892	99.5	110	22	27	61	190	49	30	111
	5. Bình Đại	2098	180	2098	100	78	18	60	0	145	43	66	36
	6. Mô Cày Bắc	1393	172	1393	100	51	5	20	26	88	17	20	51
	7. Mô Cày Nam	1882	319	1882	100	78	10	47	21	126	24	51	51
	8. Chợ Lách	1366	152	1366	100	54	14	17	23	107	43	21	43
	9. Thạnh Phú	2273	260	2233	98	80	9	47	24	118	15	60	43
		<b>Tổng cộng (2)</b>	<b>17796</b>	<b>2497</b>	<b>17742</b>	<b>99.70</b>	<b>660</b>	<b>165</b>	<b>285</b>	<b>210</b>	<b>1164</b>	<b>388</b>	<b>317</b>
2012-2013	1. Thành phố	1938	53	1938	100	58	48	10	0	161	141	10	10
	2. Châu Thành	1763	138	1763	100	68	31	33	4	112	60	35	17
	3. Giồng Trôm	2103	168	2103	100	81	27	54	0	137	60	25	52
	4. Ba Tri	2907	1046	2893	99.52	111	28	78	5	190	57	85	48
	5. Bình Đại	2102	179	2102	100	78	22	56	0	154	53	70	31
	6. Mô Cày Bắc	1300	155	1300	100	51	8	26	17	91	23	26	42
	7. Mô Cày Nam	1842	340	1842	100	78	14	55	9	129	28	68	33
	8. Chợ Lách	1371	140	1371	100	54	16	20	18	108	47	23	38
	9. Thạnh Phú	2296	260	2261	98.5	82	10	58	14	120	18	72	30
		<b>Tổng cộng (3)</b>	<b>17622</b>	<b>2479</b>	<b>17573</b>	<b>99.72</b>	<b>661</b>	<b>204</b>	<b>390</b>	<b>67</b>	<b>1202</b>	<b>487</b>	<b>414</b>

Năm học	Đơn vị	Tình hình trẻ 5 tuổi				Số lớp mẫu giáo 5 tuổi				(cả 3 độ tuổi)			
		Số trẻ trong độ tuổi	Số trẻ thuộc diện chính sách	Số trẻ huy động	Tỷ lệ (%)	Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra		
							Bán trú	2 buổi/ngày	1 buổi/ngày		Bán trú	2 buổi/ngày	1 buổi/ngày
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2013-2014	1. Thành phố	2088	53	2088	100	63	62	1	0	200	186	4	10
	2. Châu Thành	1877	131	1877	100	67	34	33	0	114	66	35	13
	3. Giồng Trôm	2014	161	2014	100	82	29	53	0	137	65	58	14
	4. Ba Tri	2747	989	2734	99.52	109	28	81	0	191	57	88	46
	5. Bình Đại	2125	181	2125	100	79	28	51	0	158	63	64	31
	6. Mô Cày Bắc	1373	171	1373	100	53	11	41	1	93	30	41	22
	7. Mô Cày Nam	1867	318	1867	100	78	18	60	0	130	31	73	26
	8. Chợ Lách	1254	127	1254	100	51	24	27	0	109	65	33	11
	9. Thạnh Phú	2319	260	2284	98.5	83	24	59	0	124	42	77	5
	<b>Tổng cộng (4)</b>	<b>17664</b>	<b>2391</b>	<b>17616</b>	<b>99.73</b>	<b>665</b>	<b>258</b>	<b>406</b>	<b>1</b>	<b>1256</b>	<b>605</b>	<b>473</b>	<b>178</b>
2014-2015	1. Thành phố	2178	53	2178	100	64	63	1	0	200	186	4	10
	2. Châu Thành	1595	119	1595	100	67	37	30	0	116	70	33	13
	3. Giồng Trôm	1843	155	1843	100	79	29	50	0	135	65	55	15
	4. Ba Tri	2744	988	2734	99.64	108	30	78	0	191	61	84	46
	5. Bình Đại	2125	175	2125	100	78	28	50	0	133	61	72	0
	6. Mô Cày Bắc	1389	156	1389	100	53	13	40	0	99	37	40	22
	7. Mô Cày Nam	1850	327	1850	100	78	28	50	0	133	61	72	0
	8. Chợ Lách	1254	120	1254	100	48	22	26	0	101	60	30	11
	9. Thạnh Phú	2342	260	2308	98.54	86	45	41	0	126	70	56	0
	<b>Tổng cộng (5)</b>	<b>17320</b>	<b>2353</b>	<b>17276</b>	<b>99.75</b>	<b>661</b>	<b>295</b>	<b>366</b>	<b>0</b>	<b>1234</b>	<b>671</b>	<b>446</b>	<b>117</b>
<b>Tổng cộng cả giai đoạn (1+2+3+4+5)</b>		<b>x</b>	<b>12341</b>	<b>88462</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>

Ngày tháng năm 2010

GIÁM ĐỐC

Người lập biểu

**BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU  
KẾ HOẠCH PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM 5 TUỔI GIAI ĐOẠN 2010- 2015**

**TÌNH HÌNH GIÁO VIÊN MẦM NON**

**Biểu 3**

Đơn vị	Số giáo viên hiện có											Ghi chú	
	Tổng số	Chia ra			Trình độ GV dạy lớp MG 5 tuổi								
		GVNT	GVMG	Tr.đó: GV dạy lớp MG 5 tuổi	Trình độ GV dạy lớp MG 5 tuổi				Đánh giá chuẩn nghề nghiệp				
					ĐH	CD	TH	Chưa ĐT	Xuất sắc	Khá	TB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
1. Thành phố	244	47	197	68	3	28	20	17	39	27	2		
2. Châu Thành	140	9	131	81	2	27	52	0	60	21	0		
3. Giồng Trôm	168	19	149	84	7	28	49	0	39	41	4		
4. Ba Tri	195	33	162	115	4	40	71	0	54	57	4		
5. Bình Đại	149	13	136	85	4	37	44	0	82	3	0		
6. Mô Cày Bắc	101	5	96	56	3	13	40	0	39	14	3		
7. Mô Cày Nam	156	12	144	83	12	48	23	0	49	25	9		
8. Chợ Lách	115	9	106	61	4	27	30	0	37	24	0		
9. Thạnh Phú	111	5	106	72	1	26	45	0	58	14	0		
<b>Tổng cộng</b>	<b>1379</b>	<b>152</b>	<b>1227</b>	<b>705</b>	<b>40</b>	<b>274</b>	<b>374</b>	<b>17</b>	<b>457</b>	<b>226</b>	<b>22</b>		

**NHU CẦU BỔ SUNG GIÁO VIÊN**

Đơn vị	Năm học 2010-2011		Năm học 2011-2012		Năm học 2012-2013		Năm học 2013-2014		Năm học 2014-2015		Tổng cộng từ năm 2010-2015	
	Tổng số chung	Riêng GV dạy lớp MG 5 tuổi	Tổng số chung	Riêng GV dạy lớp MG 5 tuổi	Tổng số chung	Riêng GV dạy lớp MG 5 tuổi	Tổng số chung	Riêng GV dạy lớp MG 5 tuổi	Tổng số chung	Riêng GV dạy lớp MG 5 tuổi	Tổng số chung	Riêng GV dạy lớp MG 5 tuổi
1. Thành phố	22	13	38	21	33	10	14	5	0	0	107	49
2. Châu Thành	19	10	33	29	8	6	7	3	5	3	72	51
3. Giồng Trôm	16	9	34	26	15	13	31	29	0	0	96	77
4. Ba Tri	23	5	15	15	2	2	20	1	19	0	79	23
5. Bình Đại	14	7	26	10	19	6	14	6	36	8	109	37
6. Mô Cày Bắc	7	3	3	2	12	6	12	4	13	6	47	21
7. Mô Cày Nam	2	2	4	3	7	4	4	4	33	10	50	23
8. Chợ Lách	30	5	15	5	0	0	19	19	1	1	65	30
9. Thạnh Phú	9	7	12	8	8	4	13	11	25	20	67	50
<b>Tổng cộng</b>	<b>142</b>	<b>61</b>	<b>180</b>	<b>119</b>	<b>104</b>	<b>51</b>	<b>134</b>	<b>82</b>	<b>132</b>	<b>48</b>	<b>692</b>	<b>361</b>



**BIỂU TỌNG HỢP SỐ LIỆU  
KẾ HOẠCH PHÒ CẤP GIÁO DỤC MÀM NON CHO TRẺ EM 5 TUỔI GIAI ĐOẠN 2010- 2015**

**TỌNG HỢP TÌNH HÌNH CƠ SỞ VẬT CHẤT**

Biểu 4

Năm học	Đơn vị	Tình hình cơ sở vật chất hiện có				Nhu cầu bổ sung phòng học giai đoạn 2010-2015				Nhu cầu xây dựng phòng chức năng										Tổng diện tích xây dựng							
		Số phòng học hiện có		Trong đó: Số phòng dành cho lớp MG 5 tuổi		Tổng số		Riêng: lớp MG 5 tuổi		BGH	VP	HC	GD/N	GD/TC	Y tế	Bảo vệ	Nhân viên	Bếp ăn									
		Tổng số	Chia ra	Tổng số	Chia ra	Xây mới	Nâng cấp	Trong đó: số phòng thuộc CT 2008-2012	Xây mới	Nâng cấp	Trong đó: số phòng thuộc CT 2008-2012	Đơn vị tính (phòng)										DVT: m <sup>2</sup>					
2010-2011	1. Thành phố	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26		
		147	89	58	0	50	31	19	0	132	2	32	16	2	9	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	942	
		109	70	39	0	70	70	0	0	5	16	0	5	16	0	2	4	1	1	1	1	1	1	1	1	1	419
		135	81	37	17	81	45	19	17	17	6	0	17	6	0	1	1	0	0	0	0	0	0	1	0	61	
		147	112	24	11	58	49	7	2	29	0	0	0	0	0	5	0	4	6	6	3	5	3	0	0	973	
		133	64	52	17	76	37	25	14	38	4	0	21	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	269
		68	49	10	9	24	17	3	4	5	0	5	2	0	0	0	0	0	1	1	1	1	1	1	1	0	
		104	46	15	43	65	25	14	26	22	7	15	20	7	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	300
		90	52	36	2	46	27	17	2	15	5	10	6	3	6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		110	78	29	3	87	54	28	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	<b>Tổng cộng (1)</b>	<b>1043</b>	<b>641</b>	<b>300</b>	<b>102</b>	<b>557</b>	<b>355</b>	<b>132</b>	<b>70</b>	<b>263</b>	<b>40</b>	<b>62</b>	<b>87</b>	<b>34</b>	<b>25</b>	<b>11</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>11</b>	<b>11</b>	<b>8</b>	<b>10</b>	<b>9</b>	<b>8</b>	<b>2964</b>		
2011-2012	1. Thành phố									0	0	0	0	0	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	628	
										48	0	44	4	0	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	314	
										8	3	0	8	3	0	1	0	1	0	0	0	0	0	1	0	46	
										42	1	0	29	1	0	5	0	5	7	7	4	5	5	5	0	1150	
										27	3	8	6	0	3	10	3	9	8	8	8	10	8	8	5	2123	
										34	0	34	10	0	10	2	2	5	5	5	5	5	5	5	5	1435	
										23	8	12	19	7	11	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	314	
										24	2	22	7	2	6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
										0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
			<b>Tổng cộng (2)</b>								<b>206</b>	<b>17</b>	<b>120</b>	<b>83</b>	<b>13</b>	<b>30</b>	<b>22</b>	<b>9</b>	<b>24</b>	<b>24</b>	<b>24</b>	<b>24</b>	<b>21</b>	<b>24</b>	<b>23</b>	<b>14</b>	<b>6010</b>

